

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

NGUYỄN THỊ GIA THẠNH

**NGHIÊN CỨU HIỆN TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ
ĐỊNH HƯỚNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG HỢP LÝ
NGUỒN LỢI DỪA NƯỚC TẠI XÃ
CẨM THANH, THÀNH PHỐ HỘI AN**

**CHUYÊN NGÀNH: SINH THÁI HỌC
MÃ SỐ: 60.42.60**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC

ĐÀ NẴNG – NĂM 2011

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. VÕ VĂN MINH

PHẢN BIỆN 1 : PGS.TS NGUYỄN KHOA LÂN

PHẢN BIỆN 2: TS. NGUYỄN TẤN LÊ

**LUẬN VĂN ĐÃ ĐƯỢC BẢO VỆ TRƯỚC HỘI ĐỒNG
CHẤM LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ KHOA HỌC
TẠI ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG VÀO NGÀY 27 THÁNG 11 NĂM
2011**

**CÓ THỂ TÌM HIỂU LUẬN VĂN TẠI :
TRUNG TÂM THÔNG TIN HỌC LIỆU, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Dừa nước (*Nipa fruticans* Wurm.) là loài thực vật sống ở các bãi lầy vùng cửa sông và ven các kênh rạch nước lợ [16]. Dừa nước thường mọc thành thảm lớn hoặc nhỏ có độ rộng từ vài mét đến hàng chục mét, có khi lên đến hàng trăm mét và tạo nên một phong cảnh độc đáo. Hệ sinh thái dừa nước có vai trò rất quan trọng trong việc giảm nhẹ các tác động thiên tai thể hiện ở chức năng chống gió bão, điều hoà khí hậu, bảo vệ bờ, chống xói lở, cân bằng sinh thái, nâng cao chất lượng môi trường nước và là môi trường sống lý tưởng cho nhiều loài động vật thủy sinh.

Xã Cẩm Thanh, thành phố Hội An có địa hình phức tạp, chia cắt bởi hệ thống sông, rạch chằng chịt và nằm gần cửa biển, và được xem là vùng đệm của khu dự trữ sinh quyển Hội An – cù lao Chàm, có vai trò quan trọng trong việc làm giảm nhẹ các tác động xấu do con người gây ra nhờ khả năng đồng hóa các chất thải từ các khu vực nội thành và vùng dân cư xung quanh hạ lưu sông Thu Bồn đổ ra [12]. Hệ thực vật ngập mặn chủ yếu của xã là cây dừa nước. Vì vậy, vai trò kiểm soát ô nhiễm và tạo môi trường sinh thái đặc trưng cho xã Cẩm Thanh chính là cây dừa nước. Hệ sinh thái dừa nước nơi đây cũng tạo ra nhiều nguồn lợi cho cộng đồng địa phương như nguồn lợi thủy sản, nguồn lợi cây dừa nước và dịch vụ du lịch sinh thái.

Tuy nhiên, hiện nay các nguồn lợi từ hệ sinh thái dừa nước của xã đang chịu những tác động lớn bởi các hoạt động của con người như: khai thác dừa nước quá mức, sử dụng các phương tiện khai thác thủy sản mang tính hủy diệt hàng loạt và sự gia tăng cường độ khai thác [11]. Phần lớn người dân xã Cẩm Thanh sống phụ thuộc

vào các nguồn lợi từ rừng dừa nước của xã này như: khai thác lá dừa và một số loại thủy sản cũng như các hoạt động du lịch sinh thái [11], [13]. Hiện chưa có nghiên cứu đầy đủ nào đề cập đến thực trạng sử dụng nguồn lợi rừng dừa nước nơi đây. Vì vậy, đề tài: **“Nghiên cứu hiện trạng và đề xuất một số định hướng khai thác, sử dụng hợp lý nguồn lợi Dừa nước tại xã Cẩm Thanh, thành phố Hội An”** được thực hiện nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp bảo vệ và phục hồi nguồn tài nguyên dừa nước trong điều kiện biến đổi khí hậu cũng như phát triển kinh tế xã hội bền vững.

2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

- Đánh giá được thực trạng phân bố cũng như các yếu tố tác động đến hệ sinh thái dừa nước tại xã Cẩm Thanh, thành phố Hội An.

- Đề xuất những định hướng khai thác, sử dụng hợp lý nguồn lợi dừa nước cho mục đích dân sinh, đồng thời góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đề tài nghiên cứu khu hệ dừa nước xã Cẩm Thanh; các hoạt động khai thác, sử dụng nguồn lợi rừng dừa nước của người dân thôn 2, 3 và 8 của xã Cẩm Thanh, thành phố Hội An từ tháng 2/2011 – 9/2011.

Đề tài đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu sau: phương pháp tổng hợp, phân tích tài liệu và phương pháp điều tra.

4. Ý NGHĨA KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI

- Ý nghĩa khoa học: góp phần cung cấp những thông tin khoa học về thực trạng khu hệ dừa nước tại xã Cẩm Thanh cũng như

những định hướng khai thác, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên này tại địa phương.

- Ý nghĩa thực tiễn: góp phần tìm kiếm các giải pháp quản lý có tính khoa học và khả thi đối với nguồn tài nguyên sinh vật tại địa phương; đồng thời qua đó góp phần nâng cao vai trò của cộng đồng trong việc quản lý tài nguyên.

5. CẤU TRÚC LUẬN VĂN

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Tài liệu tham khảo, luận văn còn có các chương sau: Chương 1 – Tổng quan tài liệu, Chương 2 – Đối tượng và Phương pháp nghiên cứu, Chương 3 – Kết quả nghiên cứu và Biện luận.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÀI LIỆU

1.1. HỆ SINH THÁI DỪA NƯỚC – Ý NGHĨA NHÂN SINH VÀ VAI TRÒ ĐỐI VỚI GIẢM NHẸ THIÊN TAI VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1.1.1. Khái niệm hệ sinh thái dừa nước

Hệ sinh thái dừa nước được tạo bởi hệ thực vật chủ đạo là cây dừa nước và các loài sinh vật thủy sinh sống trong vùng có dừa nước, giữa chúng có mối quan hệ hữu cơ lẫn nhau và chịu sự tác động qua lại của các yếu tố môi trường. Hệ sinh thái dừa nước có vai trò quan trọng trong việc cung cấp thức ăn, nơi ở và là vườn ươm cho nhiều loài sinh vật biển và sông. Ngoài ra, hệ sinh thái dừa nước còn có vai trò rất quan trọng trong việc điều hòa khí hậu, chống xói lở, tạo trầm tích và hoạt động như một máy lọc sinh học, duy trì cân

bằng sinh thái cho môi trường, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động du lịch sinh thái [4].

1.1.2. Vai trò của hệ sinh thái dừa nước đối với sinh kế người dân

Nguồn lợi trong hệ sinh thái dừa nước rất phong phú và có ý nghĩa quan trọng đối với người dân địa phương, đã và đang đem lại sinh kế cho người dân vùng duyên hải, đặc biệt là những người dân nghèo của nhiều nước châu Á [30], [35]. Sản phẩm từ cây dừa nước như tấm lợp, chổi, gàu, túi xách, lá gói bánh, nấu đường,... và tài nguyên thủy sản trong vùng dừa nước cũng như nguồn cảnh quan nơi đây được sử dụng để vui chơi, giải trí, du lịch sinh thái đã đem lại thu nhập đáng kể cho người dân [32].

1.1.3. Vai trò của hệ sinh thái dừa nước đối với giảm nhẹ thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu

Dừa nước có khả năng làm giảm năng lượng của sóng, hấp thụ CO₂ và tích lũy C trong đất nhiều hơn các loài thực vật phù du ở biển, giảm xói mòn, ngăn gió bão, bảo vệ cộng đồng, làm sạch nguồn nước trước khi ra biển, làm giảm quá trình xâm mặn vào các thủy vực nước ngọt và các cánh đồng vùng duyên hải [31].

1.2. TÌNH HÌNH KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ NGUỒN LỢI DỪA NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

1.2.1. Tình hình khai thác, sử dụng và quản lý nguồn lợi dừa nước trên thế giới

Nhiều dân tộc đã biết khai thác đa dạng các sản phẩm từ dừa nước như nấu đường [7], [33], [34], làm thức ăn cho lợn, lá non dừa nước còn được sử dụng để quán thuốc lá [33], làm chiếu, chổi, mũ, ô che mưa nắng, rổ rá, túi xách, dây thừng và làm chất đốt. Ngoài ra, một số bộ phận của cây dừa như các chổi non, thân mục; rễ và lá

được đốt cháy để dùng làm thuốc chữa bệnh đau đầu, đau răng và bệnh mụn giộp [41].

1.2.2. Tình hình khai thác, sử dụng và quản lý nguồn lợi dừa nước ở Việt Nam

Người dân ở châu thổ đồng bằng sông Cửu Long và nhiều vùng duyên hải khác chủ yếu khai thác lá dừa nước để làm mái nhà, làm phên vì chúng bền chắc trong nhiều năm. Dừa nước có khả năng chống xói mòn, cung cấp nguồn lợi thủy sản và những tài sản văn hóa xã hội khác.

1.3. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI XÃ CẨM THANH, THÀNH PHỐ HỘI AN

1.3.1. Điều kiện tự nhiên

Xã Cẩm Thanh nằm ở phía Đông Nam của thị xã Hội An, cách trung tâm đô thị cỡ 3 km về phía Đông Nam, nằm gần cửa sông, cuối tả ngạn sông Thu Bồn nên rất dễ bị thiên tai đe dọa, đất đai dễ bị nhiễm phèn, mặn. Nguồn nước mặt, đa phần là nguồn nước lợ của sông, rạch, ao, hồ. Nguồn nước ngầm bị nhiễm phèn, nhiễm mặn.

Thực vật phổ biến là dừa nước và một số loài khác như phi lao, đước, mắm còn lại là lau, lác, cói, cây bụi. Động vật rừng có chim, cá, tôm, cua,... [5].

1.3.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Cơ cấu kinh tế của xã hiện nay được xác định là nông – ngư nghiệp, dịch vụ - du lịch – thương mại, tiểu thủ công nghiệp.

CHƯƠNG 2

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

- Đối tượng nghiên cứu: khu hệ dừa nước Cẩm Thanh; các hoạt động khai thác, sử dụng nguồn lợi rừng dừa nước của người dân thôn 2, 3 và 8 của xã Cẩm Thanh.

- Phạm vi nghiên cứu: đề tài tiến hành nghiên cứu tại xã Cẩm Thanh, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam từ tháng 2/2011 – 9/2011.

2.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu: Thu thập tài liệu thứ cấp, sơ cấp về diện tích và sự phân bố dừa nước trong xã; các hoạt động liên quan của người dân, mức độ phụ thuộc vào nguồn lợi dừa nước và các tác động của môi trường tự nhiên ảnh hưởng đến tài nguyên đất ngập nước; về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của Cẩm Thanh.

- Xác định mật độ phân bố rừng dừa nước bằng phương pháp ô tiêu chuẩn [9].

- Phương pháp điều tra bằng bảng câu hỏi cấu trúc và câu hỏi bán cấu trúc (*xem phụ lục 1*) kết hợp phương pháp quan sát [18].

- Phương pháp tổng hợp và thống kê số liệu [23]

CHƯƠNG 3

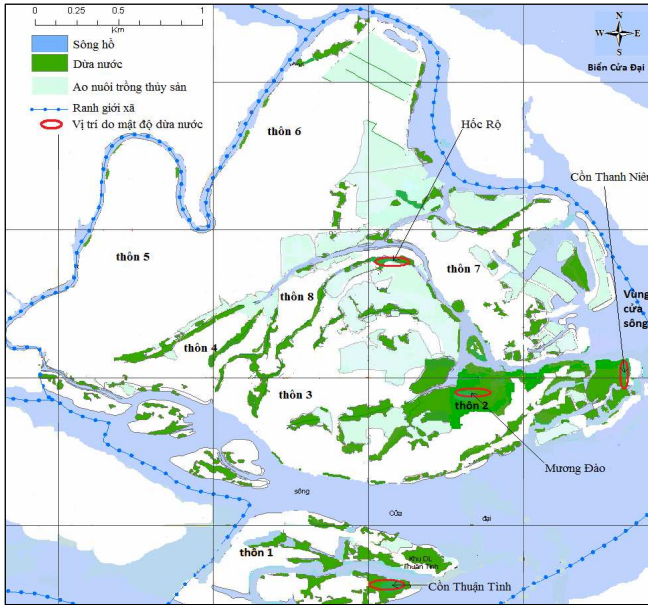
KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BIỆN LUẬN

3.1. SỰ PHÂN BỐ VÀ BIẾN ĐỘNG DIỆN TÍCH KHU HỆ DỪA NƯỚC Ở XÃ CẨM THANH, THÀNH PHỐ HỘI AN

3.1.1. Sự phân bố dừa nước tại xã Cẩm Thanh, thành phố Hội An

Dừa nước là loài cây ngập mặn chủ yếu tại xã Cẩm Thanh. Chúng hiện diện khắp nơi từ ven bờ sông lớn cho đến các kênh rạch

nhỏ. Kết quả khảo sát, điều tra về sự phân bố dừa nước được trình bày ở hình 3.1.



Hình 3.1. Bản đồ phân bố dừa nước tại xã Cẩm Thanh

Kết quả khảo sát ở hình 3.1 cho thấy, dừa nước phân bố rải rác trên toàn xã, nhưng tập trung chủ yếu tại thôn 1, 2, 3, 4 và 8, cụ thể tại các vị trí như Cồn Thuận Tĩnh (thôn 1), Cồn Thanh Niên (thôn 2) và phân bố phần lớn tại khu Rừng Dừa Bảy Mẫu (thuộc chủ yếu ở thôn 2).

Mật độ dừa nước là một trong những tiêu chí quan trọng dùng để đánh giá khả năng sinh trưởng và phát triển của dừa nước, nên đề tài cũng đã khảo sát mật độ dừa nước tại 4 khu vực đặc trưng của xã, kết quả này được thể hiện ở bảng 3.1.

Bảng 3.1. Mật độ trung bình của dừa nước tại một số vị trí trong xã Cẩm Thanh

Vị trí	Mật độ trung bình	
	(cây/ô tiêu chuẩn)	(cây/m ²)
Cồn Thanh Niên (thôn 2)	39,2 ± 2,3	1,57
Hốc Rộ (thôn 8)	40,4 ± 2,8	1,62
Cồn Thuận Tình (thôn 1)	41,0 ± 2,2	1,64
Mương Đào (thôn 2)	42,5 ± 3,0	1,81

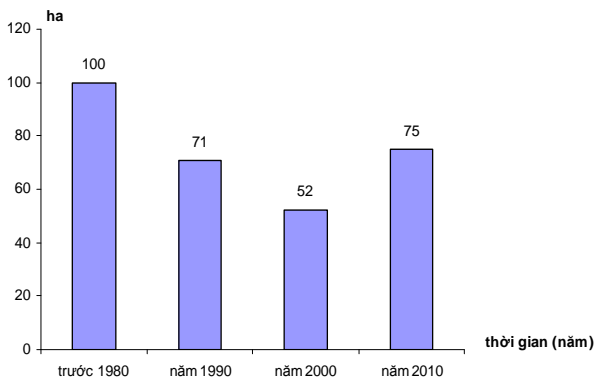
Mật độ dừa nước có sự khác nhau giữa 4 vị trí trên. Càng xa vùng cửa sông thì mật độ dừa nước càng tăng lên. Nơi dày nhất biến động từ 1-3 cây/m² tại Mương Đào thuộc thôn 2 với mật độ trung bình 1,81 cây/m²; trung bình hay gặp từ 1-2 cây/m² ở Cồn Thanh Niên, Hốc Rộ và Cồn Thuận Tình (*xem phụ lục 4 và 5*).

3.1.2. Sự biến động diện tích khu hệ dừa nước ở xã Cẩm Thanh

Bảng 3.2. Biến động diện tích dừa nước tại xã Cẩm Thanh

Thời gian (năm)	Trước 1980	Năm 1990	Năm 2000	Năm 2010
Diện tích (ha)	100	71	52	75

(Nguồn: UBND xã Cẩm Thanh, 2010)



Hình 3.2. Biểu đồ biến động diện tích dừa nước tại xã Cẩm Thanh

Kết quả ở bảng 3.2 và hình 3.2 cho thấy, diện tích rừng nước năm 1990 là 71 ha nhưng diện tích càng giảm qua các năm do các hoạt động như nuôi tôm, làm muối,... đã phá hủy một phần lớn diện tích rừng dừa vào mục đích kinh tế. Đặc biệt vào năm 2000, diện tích rừng dừa chỉ còn 52 ha, do phong trào nuôi tôm phát triển nên người dân đã chặt các khu vực có rừng nước để làm ao nuôi tôm. Nhưng đến năm 2010, diện tích rừng dừa nước đã tăng lên 75 ha nhờ các hoạt động nuôi tôm đã giảm đi đáng kể, hoạt động trồng thêm rừng nước.

3.2. TÌNH HÌNH KHAI THÁC, SỬ DỤNG NGUỒN LỢI RỪNG DỪA NƯỚC Ở XÃ CẨM THANH

3.2.1. Tình hình khai thác và sử dụng nguồn lợi trực tiếp từ rừng dừa nước ở xã Cẩm Thanh

Kết quả khảo sát cho thấy tại xã Cẩm Thanh, rừng nước sau khi trồng 5 – 7 năm thì có thể khai thác tùy theo mục đích sử dụng. Rừng nước được khai thác trung bình 2 lần/năm: lần thứ nhất từ tháng 2 đến tháng 3, trung bình khoảng 5 lá/cây; lần 2 từ tháng 7 đến tháng 8, trung bình 3 lá/cây. Nếu nhu cầu tăng cao thì một năm có thể khai thác 3 - 4 lần.

Kỹ thuật khai thác cho mỗi lần chặt lá là phải để lại ngọn và 1 lá. Như vậy, trung bình khai thác được 8 lá/cây/năm.

Các sản phẩm chế biến từ rừng nước ở xã như: mái lá, mái tranh, tấm phen (*xem phụ lục 3*). Sau khi khai thác, lá ngắn được chẻ làm đôi dọc theo cuống lá dùng làm mái tranh để lợp nhà hay dựng vách. Đối với lá dài, thì lá chẻ được cắt ra khỏi cuống lá và được kết thành mái lá. Các sản phẩm từ lá rừng nước sau khi được chế biến và gia công, chủ yếu được tiêu thụ tại các khu nghỉ mát, hàng quán, khách sạn ở trong và ngoài tỉnh, có khi xuất sang nước ngoài.

3.2.2. Tình hình khai thác và sử dụng nguồn lợi thủy sản trong vùng đìa nước

Trong số 20 hộ khai thác thủy sản (chiếm 18% trong tổng số 111 hộ) được phỏng vấn thì có 6 hộ khai thác thường xuyên và 14 hộ khai thác không thường xuyên.

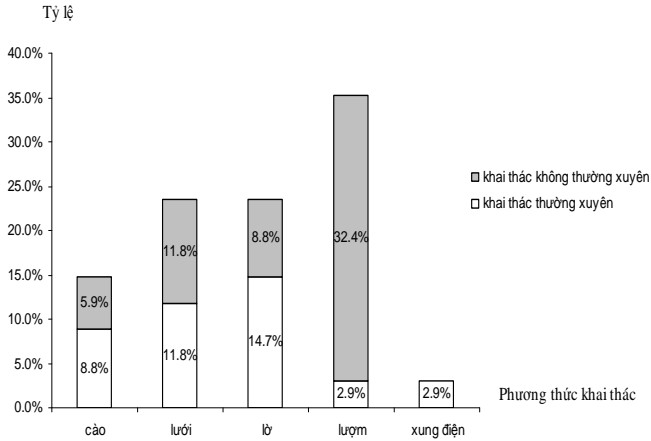
Bảng 3.3. Tần suất khai thác thủy sản của các hộ ở xã Cẩm Thanh

	Thôn 2	Thôn 3	Thôn 8	Tổng	Tỷ lệ
Khai thác thường xuyên	5	1	KPH	6	30%
Khai thác không thường xuyên	9	3	2	14	70%

Ghi chú: KPH: không phát hiện

Bảng 3.4. Phương thức khai thác thủy sản của các hộ ở xã Cẩm Thanh

Phương thức khai thác	Khai thác thường xuyên		Khai thác không thường xuyên	
	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ
Cào	3	8,8%	4	5,9%
Lưới	4	11,8%	4	11,8%
Lờ	5	14,7%	3	8,8%
Lượm	1	2,9%	11	32,4%
Xung điện	1	2,9%	Không phát hiện	



Hình 3.3. Tỷ lệ phương thức khai thác thủy sản trong rừng dừa tại xã Cẩm Thanh

Kết quả ở bảng 3.3, bảng 3.4 và hình 3.3 cho thấy, người dân đánh bắt nguồn lợi động vật trong rừng dừa nước bằng nhiều phương thức khác nhau và phương thức nhặt bằng tay chiếm tỷ lệ cao nhất (35%), nhưng chủ yếu tập trung ở các hộ khai thác không thường xuyên. Đặt lờ và thả lưới là hai phương thức đánh bắt mà bà con thường hay sử dụng (chiếm 23,5%). Lờ là loại phương tiện dùng đánh bắt tất cả các loài động vật di chuyển được và khai thác triệt để kể cả cá con với hiệu quả rất cao. Lưới cũng có khả năng bắt được những con vật có khả năng di chuyển và nếu mắc lưới nhỏ và số lớp lưới nhiều thì khả năng bắt được các loài động vật hiệu quả hơn. Các dụng cụ như cào chiếm 15%, xung điện chiếm 3% nhưng cũng là dụng cụ hủy diệt, để lại hậu quả lâu dài. Dụng cụ cào gây ra sự xáo trộn nền đáy. Đánh cá bằng điện gây hủy diệt hoặc gây hại hầu hết các loài cá, bao gồm cả ấu trùng và cá con.

3.2.3. Tình hình khai thác và sử dụng nguồn lợi dừa nước phục vụ du lịch sinh thái tại xã Cẩm Thanh

Hoạt động du lịch sinh thái tại xã Cẩm Thanh hiện đang trong giai đoạn triển khai. Nhiều công ty du lịch đang khai thác các chuyến du lịch sinh thái trong rừng dừa Bảy Mẫu và tham quan làng nghề dừa nước tại xã Cẩm Thanh. Trong đó, Công ty EcoTour Hội An hiện đang chiếm thị phần rất lớn (3.000 lượt khách/năm) và Công ty Du lịch Cộng đồng Dừa nước Cẩm Thanh vừa mới hoạt động tháng 5/2011. Các hoạt động du lịch sinh thái trong rừng dừa nước mà du khách yêu thích là chèo thúng, chèo thuyền, cùng ngư dân đánh bắt cá, quăng lưới,... Ngoài các hoạt động trên, du khách còn đạp xe vòng quanh xã Cẩm Thanh, thăm quan làng nghề dừa nước và các di tích lịch sử trong xã như bia chiến tích, lăng Ông, lăng Bà,... Tuy nhiên, hiện nay, du khách tham quan rừng dừa còn chưa được thưởng thức hương vị quả dừa nước do quả dừa nước ở đây quá nhỏ nên không thể ăn được.

Ngoài ra, xã cũng đang triển khai du lịch sinh thái “homestay” và mọi hoạt động du lịch của du khách đều gắn liền với nguồn lợi dừa nước.

3.3. LỢI ÍCH KINH TẾ TỪ NGUỒN LỢI DỪA NƯỚC Ở XÃ CẨM THANH

3.3.1. Giá trị kinh tế các nguồn lợi dừa nước tại xã Cẩm Thanh qua các năm

Giá trị kinh tế các sản phẩm từ dừa nước và giá trị kinh tế các loài thủy sản ngày càng tăng theo nhu cầu và thời gian.

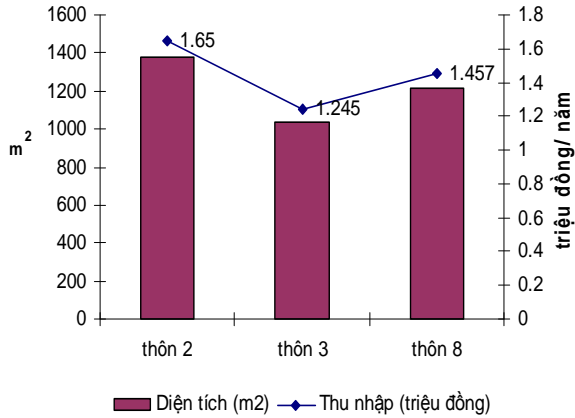
3.3.2. Lợi ích kinh tế từ việc sở hữu, khai thác và chế biến lá dừa nước

Bảng 3.7. Tỷ lệ các hộ thuộc các nhóm nghề khai thác trực tiếp cây
dừa nước

Nhóm nghề	Thôn 2		Thôn 3		Thôn 8	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
(1) Hộ có dừa nước, khai thác và chế biến dừa nước	10	27%	4	10,3%	2	5,7%
(2) Hộ có dừa nước, không khai thác dừa nước	16	42,3%	8	20,5%	7	20%
(3) Hộ làm thuê cho các cơ sở khai thác và chế biến dừa nước	6	16,2%	5	12,8%	3	8,6%

3.3.2.1. Thu nhập trung bình hàng năm của các hộ gia đình sở hữu dừa nước

Ở xã Cẩm Thanh, dừa nước được các hộ dân sở hữu nếu bán khoán thì có giá trung bình 300.000 đồng/sào/lần khai thác. Đối với dừa nước nơi đây, người dân cho biết rất ít tốn công chăm sóc. Như vậy, đó là số tiền mỗi năm các hộ gia đình này kiếm lợi ròng từ cây dừa nước mà mình sở hữu chỉ thông qua giai đoạn bán khoán. Kết quả điều tra về thu nhập từ sở hữu dừa nước thể hiện ở hình 3.6.



Hình 3.6. Thu nhập của các hộ sở hữu dừa nước

3.3.2.2. Thu nhập trung bình hàng năm của hộ sản xuất tằm lợp dừa nước

Bảng 3.9. Thu nhập trung bình của hộ sản xuất tằm lợp ở xã Cẩm Thanh

	Số hộ	Tỷ lệ	Thu nhập trung bình (triệu đồng/năm)	Hệ số biến thiên (Cv %)
Hộ sản xuất lớn	5	4,5%	71,4	33,4%
Hộ sản xuất nhỏ	11	9,9%	11,7	23,3%

3.3.2.3. Thu nhập trung bình hàng năm của thợ làm thuê cho các cơ sở sản xuất tằm lợp

Quy trình khai thác và chế biến dừa nước tốn nhiều công sức, thời gian và đòi hỏi phải có kinh nghiệm. Vì vậy, tùy theo năng lực và ngày công làm việc mà người làm thuê được hưởng mức lương khác nhau.

Bảng 3.10. Thu nhập trung bình năm của thợ làm thuê cho các cơ sở sản xuất tằm lợp

	Số người	Tỷ lệ	Thu nhập trung bình (triệu đồng/năm)
Thợ hưởng lương theo tháng	6	2,2%	30 – 40
Thợ hưởng lương theo ngày	9	3,3%	4 – 5

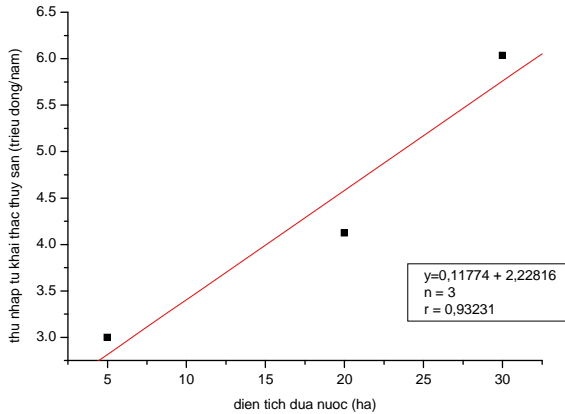
Công việc bà con làm thuê chủ yếu là: chặt dứa, tách, phơi dứa, ngâm dứa, kết mái lá, kết mái tranh, kết tấm phên, sắp xếp, bảo quản, theo chủ đi dựng công trình cho khách.

3.3.3. Lợi ích kinh tế từ nguồn lợi thủy sản trong vùng dứa nước

Bảng 3.11. Thu nhập trung bình năm của các hộ đánh bắt trong rừng dứa nước

	Thôn 2 (n = 14)	Thôn 3 (n = 4)	Thôn 8 (n = 2)
Tỷ lệ các hộ (%)	37,8%	10,3%	5,7%
Thu nhập (triệu đồng)	6,035	4,125	3
Hệ số biến thiên (Cv%)	77,7%	96,1%	47,1%

Số hộ đánh bắt thủy sản ở thôn 2 chiếm tỷ lệ khá cao (37,8%) trong toàn thôn, các xã còn lại chỉ chiếm 10,3% (thôn 3) và 5,7% (thôn 8). Thôn 2 có ưu thế về vị trí địa lý tự nhiên là thuộc vùng sông nước và gần cửa sông, hơn nữa thôn 2 sở hữu diện tích dứa nước nhiều hơn các thôn khác nên các nguồn lợi thủy sản cũng tập trung ở đây nhiều hơn, kết quả này được trình bày ở hình 3.7.



Hình 3.7. Sự tương quan giữa thu nhập từ khai thác thủy sản với diện tích dưa nước ở các thôn

Kết quả ở hình 3.7 cho thấy, thu nhập từ hoạt động khai thác thủy sản trong rừng dưa nước và diện tích dưa nước tại các thôn có mối tương quan thuận. Thôn 2 chiếm diện tích dưa nước cao nhất nên thu nhập từ khai thác thủy sản cũng cao nhất, tiếp đến là thôn 3 và sau cùng là thôn 8.

3.3.4. Đánh giá chung về giá trị kinh tế của nguồn lợi dưa nước tại xã Cẩm Thanh

3.3.4.1. Tổng giá trị kinh tế của nguồn lợi dưa nước tại xã Cẩm Thanh

Nguồn lợi từ khai thác lá và chế biến lá dưa nước là lớn nhất, tiếp đến là khai thác thủy sản và cuối cùng là nguồn lợi từ du lịch. Ước tính tổng giá trị kinh tế nguồn lợi dưa nước của xã mang lại cho cộng đồng là 5.047.000.000 đồng/năm, tương đương 67.290.000 đồng/ha/năm (~ 3.364 USD).

3.3.4.2. Đóng góp của nguồn lợi dưa nước trong tổng thu nhập của mỗi hộ trong xã Cẩm Thanh

Bảng 3.13. Đóng góp của nguồn lợi đừa nước so với tổng thu nhập của mỗi hộ ở xã Cẩm Thanh

	Thôn 2	Thôn 3	Thôn 8
Tổng thu nhập (đồng/năm)	24.560.000	27.190.000	29.420.000
Thu nhập từ nguồn lợi đừa nước (đồng/năm)	15.870.000	12.530.000	3.050.000
Đóng góp của đừa nước trong Tổng thu nhập (%)	51,4%	32,2%	13,5%

Thu nhập từ nguồn lợi đừa nước chiếm một phần đáng kể trong tổng thu nhập của các hộ, cụ thể: mức độ đóng góp từ nguồn lợi đừa nước ở thôn 2 là lớn nhất (chiếm 51,4%), tiếp theo đó là thôn 3 (32,2%) và sau cùng là thôn 8 (13,5%).

3.4. NHẬN THỨC CỦA CỘNG ĐỒNG VỀ VAI TRÒ KHU HỆ ĐỪA NƯỚC VÀ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ NGUỒN LỢI ĐỪA NƯỚC CỦA CHÍNH QUYỀN

3.4.1. Nhận thức của cộng đồng về vai trò khu hệ đừa nước

Kết quả điều tra về nhận thức tầm quan trọng của khu hệ đừa nước được thực hiện trên 40 người dân thể hiện ở bảng 3.14.

Bảng 3.14. Nhận thức của người dân về tầm quan trọng của khu hệ đừa nước ở xã Cẩm Thanh

Các vai trò khu hệ đừa nước	Số người	Tỷ lệ
Cung cấp thủy sản	39	97,5%
Môi trường sống của thủy sản	38	95%
Ngăn gió bão	38	95%
Chống xói mòn	35	87,5%
Tạo cảnh đẹp	7	17,5%
Giá trị kinh tế	39	97,5%

Hơn 87,5% người dân cho rằng đừa nước có vai trò rất lớn trong bảo vệ môi trường và đem lại nguồn thu nhập cho người dân. Đứng đầu là các giá trị liên quan đến việc khai thác các nguồn lợi thủy sản trong đừa nước. Tiếp đến là các giá trị bảo vệ, giảm nhẹ tác động thiên tai cho bà con như đừa nước có khả năng chắn sóng và gió rất tốt khi có gió bão xảy ra. Còn đối với giá trị thẩm mỹ, đa phần bà con xem nhẹ hơn.

3.4.2. Tình hình quản lý nguồn lợi đừa nước của chính quyền

Chính quyền xã quản lý diện tích mặt đất và mặt nước, định hướng cho dân chăm sóc, bảo vệ, khai thác và sử dụng đừa nước và thủy sản. Xã thu thuế đối với các hộ sản xuất kinh doanh nghề chế biến đừa. Ngoài ra, xã không thu thuế đối với các hộ sở hữu và khai thác đừa nước cũng như các nguồn lợi thủy hải sản trong rừng đừa.

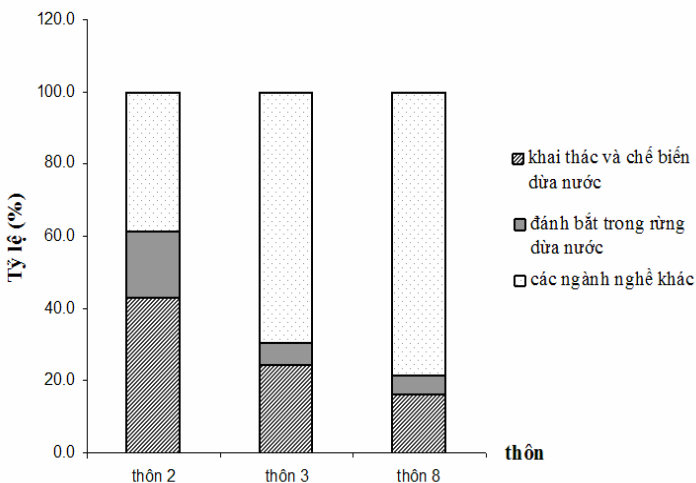
Để hạn chế việc khai thác đừa nước và nguồn lợi thủy sản bừa bãi, nhằm tạo điều kiện cho đừa nước có khả năng phục hồi và đảm bảo môi trường sống cho các loài thủy sản, UBND xã đã họp với bà con trong vùng có đừa nước và đã đưa ra quy chế bảo vệ đừa nước và nguồn lợi thủy sản tại xã Cẩm Thanh vào năm 2008 và đặt pan-nô (2m x 1,6m) tại thôn 2.

Hiện nay, chính quyền địa phương khuyến khích các hoạt động du lịch sinh thái trong xã, yêu cầu khách du lịch và các công ty du lịch thực hiện các Quy ước về bảo vệ Đừa nước và Nguồn lợi Thủy sản trên. Hiện chưa có hoạt động thu thuế nào đối với hoạt động du lịch trong rừng đừa Bảy Mẫu và trong xã Cẩm Thanh.

3.5. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN KHU HỆ ĐỪA NƯỚC XÃ CẨM THANH

3.5.1. Thành phần các ngành nghề chính trong xã Cẩm Thanh

Kết quả điều tra về thành phần các ngành nghề trong xã Cẩm Thanh được thể hiện ở hình 3.8.



Hình 3.8. Thành phần các ngành nghề tại xã Cẩm Thanh

Thành phần ngành nghề trong xã khá đa dạng, trong đó có các nghề liên quan đến nguồn lợi dừa nước trong xã như: nghề làm khai thác và chế biến dừa của các hộ sản xuất lớn, hộ sản xuất nhỏ, hộ làm thuê cho các chủ dừa và các nghề đánh bắt thủy sản trong rừng dừa nước. Nhìn chung, số lao động làm trong các ngành nghề liên quan đến nguồn lợi dừa nước cũng chiếm một phần đáng kể, cụ thể: thôn 2 chiếm 61,5%, thôn 3 chiếm 30,6% và thôn 8 chiếm 21,3%.

3.5.2. Chính sách bảo vệ nguồn lợi dừa nước của chính quyền

- Các chính sách, quy ước đưa ra chưa có sự kết hợp chặt chẽ giữa các tổ chức có thẩm quyền và sự hợp tác của người dân trong bảo vệ nguồn lợi dừa nước. Đặc biệt, công tác giám sát việc thực

hiện các hoạt động cộng đồng và việc thực hiện nghiêm túc các quy ước đã đề ra chưa được chú trọng.

- Tình trạng giao khoán diện tích đừa nước của xã giao cho dân cũng là một vấn đề lớn gây suy giảm nguồn lợi. Tần suất khai thác đừa nước nhiều gây ảnh hưởng đến môi trường sống của các loài thủy sinh.

- Hiện xã chưa có chính sách liên kết sản xuất các sản phẩm đừa nước trong toàn xã.

- Đừa nước bị phá để làm hồ nuôi tôm vào những năm 2000, đặc biệt ở khu vực thôn 8.

3.5.3. Tác động của các dự án đến khu hệ đừa nước xã Cẩm Thanh

Hiện nay, xã Cẩm Thanh đã tiếp nhận nhiều dự án liên quan đến bảo tồn đừa nước như: nâng cao năng lực quản lý địa phương, dự án trồng đừa nước, chuyển đổi sinh kế cho người dân, làng nghề đừa nước Cẩm Thanh, làng quê sinh thái,... Tuy nhiên, cách tiếp cận và thực hiện không hiệu quả nên sự thành công của các dự án đem lại chưa cao.

3.5.4. Ảnh hưởng của các điều kiện tự nhiên

Hàng năm, tại địa phương đều xảy ra lũ lụt và mưa bão, nên cũng đã ảnh hưởng đến khu hệ đừa nước. Tác động của sóng và gió bão có thể ảnh hưởng xấu đến đừa nước như: gãy lá, sản lượng và chất lượng lá kém, nhưng thiệt hại trực tiếp do mưa bão gây ra chủ yếu ở khu vực gần với cửa biển.

Ngoài ra, nhu cầu về tằm lợp đừa nước ngày càng tăng cao, nên các hoạt động thiên tai là một trong những nhân tố lớn gián tiếp gây nên làm tăng số lần khai thác lên 3-4 lần/năm, gây suy giảm nguồn lợi đừa nước.

3.6. MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG HỢP LÝ NGUỒN LỢI DỪA NƯỚC TẠI XÃ CẨM THANH

3.6.1. Định hướng khai thác hiệu quả nguồn lợi dừa nước

- Cấp giấy phép khai thác nguồn lợi cây dừa nước và thủy sản: cấp giấy phép khai thác dừa nước tối đa 1 – 2 lần/năm đối với các hộ sở hữu dừa nước tùy theo chất lượng dừa. Giám sát hoạt động khai thác thủy sản thật chặt chẽ, cấm các phương tiện khai thác hủy diệt, quy định kích thước các loài thủy sản được khai thác và thời gian khai thác thông báo đến cho bà con.

- Cần nghiên cứu và quy hoạch một phần nhỏ diện tích dừa nước cho quả để du khách thưởng thức. Tăng cường nhiều hoạt động du lịch sinh thái trong xã và liên kết với các điểm du lịch sinh thái lân cận để thu hút nhiều du khách.

- Đa dạng hóa các sản phẩm và dịch vụ từ dừa nước. Ngoài việc khai thác để làm tấm lợp, cần làm thêm về các sản phẩm thủ công mỹ nghệ khác như: nón, giỏ xách, vật trang trí,... nhằm làm tăng giá trị kinh tế nguồn lợi dừa nước.

- Giảm áp lực khai thác nguồn lợi dừa nước bằng cách hỗ trợ sinh kế thay thế hiệu quả cho các hộ khai thác dừa và các hộ khai thác thủy sản. Một số hoạt động cần được triển khai như: hỗ trợ kinh phí và hướng dẫn kỹ thuật trồng nấm, chăn nuôi, đào tạo nghiệp vụ du lịch sinh thái cho cộng đồng (cần chú trọng việc cung cấp tri thức bản địa và kỹ năng phục vụ du khách).

3.6.2. Định hướng sử dụng hợp lý nguồn lợi dừa nước

Các sản phẩm từ dừa nước và nguồn lợi thủy sản trong vùng dừa nước phải thân thiện với môi trường. Các sản phẩm từ dừa nước cần đảm bảo chất lượng, mang lại tiện ích cao trong quá trình sử dụng và kéo dài tuổi thọ của sản phẩm. Đồng thời, các nguồn lợi từ

thủy sản phải khai thác đúng quy cách và tiêu thụ ngay tại chỗ; hạn chế việc di chuyển đi xa và bảo quản trong thời gian lâu. Vì vậy, cần có chính sách quản lý tốt để định hướng sử dụng các sản phẩm từ nguồn lợi đừa nước bền vững.

3.6.3. Định hướng quản lý bền vững nguồn lợi đừa nước

Thực trạng quản lý nguồn lợi đừa nước tại địa phương đã tồn tại một số hạn chế cần khắc phục, nhằm khai thác và sử dụng bền vững nguồn lợi đừa nước. Sau đây là những định hướng quản lý:

- Xây dựng mô hình quản lý nguồn lợi đừa vào cộng đồng, nâng cao vai trò, nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng trong việc quản lý nguồn lợi; hướng dẫn cộng đồng hợp, chính họ bầu ra những tổ quản lý nguồn lợi đừa vào cộng đồng, chính dân tham gia xây dựng quy chế và thực hiện theo quy chế. Cần tạo tính liên kết giữa các dự án và các ban ngành với cộng đồng trong việc quản lý nguồn lợi.

- Nội dung các quy ước phổ biến đến bà con phải chặt chẽ, rõ ràng và phải theo ngôn ngữ thuần Việt để bà con tiện theo dõi và thực hiện. Cần áp dụng nghiêm minh các chế tài xử phạt đã quy định.

- Cần triển khai kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ và khai thác các nguồn lợi đừa nước đến với cộng đồng một cách hiệu quả.

- Cần có chính sách hỗ trợ cộng đồng trồng thêm đừa nước để tạo cảnh quan, môi trường sinh thái đồng thời tăng thu nhập cho người dân. Nên trồng đừa từ trong các kênh rạch gần khu vực dân sinh sống trước, sau đó lùi dần ra vùng cửa sông nhằm tăng khả năng sinh trưởng và phát triển của đừa nước.

- Khuyến khích và quy định các hộ nuôi trồng thủy sản trồng đừa xung quanh các ao hồ để chống sạt lở, tạo môi trường thuận lợi cho thủy sản trú ẩn và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Quản lý tốt vấn đề rác thải trong rừng dừa nước dựa vào cộng đồng.

- Chính quyền xã cần quy hoạch một diện tích đất nhằm hỗ trợ thêm sân phơi dừa cho bà con.

- Cần tạo ra Câu lạc bộ Dừa nước trong xã, có thể mở rộng ra toàn quốc và Hiệp hội các nước có dừa nước để có thể liên kết, chia sẻ kinh nghiệm nghiên cứu, sản xuất và thương mại với nhau giữa các hội viên. Xây dựng thương hiệu Dừa nước Cẩm Thanh, khuyến khích các hộ đăng ký tham gia thương hiệu chung này nhằm làm tăng giá trị các sản phẩm từ dừa nước và được nhiều nơi biết đến, bên cạnh đó còn tạo ra nguồn thuế cho nhà nước.

- Xây dựng quy trình TQM (Total quality management – Quản lý chất lượng toàn diện) đối với tất cả các hoạt động khai thác và sử dụng nguồn lợi dừa nước theo định hướng bền vững.

- Xây dựng nguồn thông tin tư liệu đầy đủ về giá trị nguồn lợi dừa nước tại địa phương thông qua các hoạt động nghiên cứu, kiểm kê, thống kê định kỳ tạo cơ sở khoa học cho việc quản lý tốt các nguồn lợi.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

A. KẾT LUẬN

1. Khu hệ dừa nước tại xã Cẩm Thanh với diện tích 75 ha, phân bố chủ yếu ở ven sông, lạch và tập trung chủ yếu ở thôn 2 (khu rừng dừa Bảy Mẫu). Xu thế biến động diện tích dừa nước phụ thuộc vào sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước.
2. Hiện nay, nguồn lợi dừa nước được khai thác để làm các công trình nhà ở, ô dù cho các khu nghỉ mát, nhà hàng,

khách sạn, cho mục đích ẩm thực và phục vụ cho du lịch sinh thái. Hiệu quả kinh tế từ những nguồn lợi này khá cao, tuy nhiên phương thức và cách quản lý khai thác chưa hiệu quả.

3. Người dân đã nhận thức rõ về tầm quan trọng của giá trị nguồn lợi này. Họ sẵn sàng tham gia quản lý nếu chính quyền có những chính sách hỗ trợ hợp lý. Chính quyền đã có nhiều giải pháp quản lý nguồn lợi này, nhưng chưa thực sự hiệu quả, nguyên nhân chính là do chưa huy động được tính cộng đồng trong dân và việc thực hiện các hoạt động của dự án chưa hướng đến lợi ích lâu dài của cộng đồng.
4. Để quản lý nguồn lợi này, cần có những định hướng khai thác và sử dụng hợp lý nguồn lợi. Trong đó, cần chú trọng các giải pháp như: trồng thêm dừa nước, hỗ trợ các hoạt động sinh kế thay thế nhằm giảm áp lực lên nguồn lợi và quy định về khai thác cũng như chế tài xử phạt.

B. KIẾN NGHỊ

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và thành phố Hội An cần tiếp tục đầu tư và triển khai hiệu quả hơn các dự án nhằm bảo tồn nguồn lợi dừa nước và phát triển bền vững tại xã Cẩm Thanh.